|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH ĐẮK NÔNG**SỞ Y TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

DANH MỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC THEO DÕI TRỌNG TÂM, LIÊN NGÀNH NĂM 2023 (\*)

*(Ban hành kèm theo Công văn số /SYT-VP ngày /7/2023)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản quy phạm pháp luật** | **Ghi chú** |
| **VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG** |  |
| **I** | **Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu** |
|  | **Luật** |  |
| 1. | Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012 | Hết hiệu lựcmột phần |
| 2. | Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 14/12/2004 | Hết hiệu lựcmột phần |
| 3. | Luật số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực | Hết hiệu lựcmột phần |
| 4. | Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự. |  |
| 5. | Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 | Hết hiệu lựcmột phần |
| 6. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày21/11/2014 | Hết hiệu lựcmột phần |
| 7. | Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020 | Hết hiệu lựcmột phần |
| 8. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư,Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 |  |
| 9. | Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017 | Hết hiệu lựcmột phần |
| 10. | Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 | Hết hiệu lựcmột phần |
| 11. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 |  |
| 12. | Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 |  |
| 13. | Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 | Hết hiệu lựcmột phần |
|  | **Nghị định của Chính phủ** |  |
| 14. | [Nghị định 89/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/Nghi-dinh-92-2021-ND-CP-huong-dan-Nghi-quyet-406-NQ-UBTVQH15-ho-tro-doanh-nghiep-do-Covid19-492584.aspx) ngày 06/8/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩmđịnh giá | Hết hiệu lựcmột phần |
| 15. | Nghị định số Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành mộtsố điều của Luật Giá |  |
| 16. | Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điềucủa Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực | Hết hiệu lựcmột phần |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 17. | Nghị định số Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị địnhsố 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá |  |
| 18. | Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu | Hết hiệu lựcmột phần |
| 19. | Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu |  |
| 20. | Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo |  |
| 21. | Nghị định 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 sửa đổi Nghị định 89/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giá về thẩm định giá |  |
| 22. | Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 20/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi |  |
| 23. | Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế |  |
|  | **Quyết định của Thủ tướng Chính phủ** |  |
| 24. | Quyết định số 116/2009/QĐ-TTg ngày 29/9/2009 về việc bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ thựchiện bình ổn giá |  |
| 25. | Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giábán lẻ điện |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 26. | Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điềuchỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân |  |
| 27. | Quyết định số 02/2023/QĐ-TTg ngày 03/ 02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về khung giá của mức giábán lẻ điện bình quân |  |
|  | **Thông tư liên tịch, Thông tư** |  |
| 28. | Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 03/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết các mặt hàng thuộc lĩnh vực nôngnghiệp và phát triển nông thôn thực hiện bình ổn giá và kê khai giá |  |
| 29. | Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 quy định về phương pháp tính giá cơsở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu | Hết hiệu lực một phần |
| 30. | Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 12/02/2015 huớng dẫn về phương pháp điềutra, xác định chi phí sản xuất, tính giá thành sản xuất lúa hàng hóa các vụ sản xuất trong năm |  |
| 31. | Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 03/3/2015 hướng dẫn chi tiết các mặt hàngthuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện bình ổn giá và kê khai giá |  |
| 32. | Thông tư liên tịch số 90/2016/TTLT-BTC-BCT ngày 24/06/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quyđịnh tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu | Hết hiệu lực một phần |
| 33. | Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 hướng dẫn cơ chế, nguyêntắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 34. | Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 14/10/2014 hướng dẫn thực hiện giá cước vậntải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ |  |
| 35. | Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 hướng dẫn nguyên tắc,phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn |  |
| 36. | Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011 hướng dẫn chế độ báo cáo giá thị trường hàng hóa, dịchvụ trong nước, giá hàng hóa nhập khẩu |  |
| 37. | Thông tư số 89/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 hướng dẫn về phương pháp xác định giá sàn gạo xuấtkhẩu |  |
| 38. | Thông tư số 31/2011/TT-BCT ngày 19/8/2011 quy định điều chỉnh giá bán điện theo thông số đầu vàocơ bản |  |
| 39. | Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vềthực hiện giá bán điện | Hết hiệu lựcmột phần |
| 40. | Thông tư số 32/2014/TT-BCT ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự xây dựng, áp dụng Biểu giá chi phí tránh được và ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ | Hết hiệu lực một phần |
| 41. | Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự xây dựng, ban hành khung giá phát điện |  |
| 42. | Thông tư số 21/2015/TT-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện | Hết hiệu lực một phần |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 43. | Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện |  |
| 44. | Thông tư số 13/2017/TT-BCT ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện; Thông tư số 30/2014/TT-BCT quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư số 57/2014/TT-BCT quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện | Hết hiệu lực một phần |
| 45. | Thông tư số 26/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định phương pháp, trình tự xác định chi phí hàng năm và giá điện của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu |  |
| 46. | Thông tư 45/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 quy định vận hành thị trường buôn điện cạnh tranh và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện | Hết hiệu lực một phần |
| 47. | Thông tư 24/2019/TT-BCT ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2018/TT- BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện |  |
| 48. | Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 49. | Thông tư số 46/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2015/TT-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện |  |
| 50. | Thông tư số 29/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BCT ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự xây dựng, áp dụng biểu giá chi phí tránh được và ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ và bãi bỏ Thông tư số 06/2016/TT-BCT ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT- BCT ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương |  |
| 51. | Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện |  |
| 52. | Thông tư số 06/2021/TT-BCT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện |  |
| 53. | Thông tư số 14/2022/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện |  |
| 54. | Thông tư số 15/2022/TT-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 55. | Thông tư số 31/2022/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện |  |
| 56. | Thông tư số 02/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện |  |
| 57. | Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vềđăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi |  |
| 58. | Thông tư số 30/2013/TT-BYT ngày 04/10/2013 ban hành danh mục sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổithuộc hàng hóa thực hiện bình ổn giá |  |
| 59. | Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa,dịch vụ |  |
| 60. | Thông tư số 12/2014/TT-BCT ngày 31/3/2014 quy định tính toán mức giá bán lẻ điện bình quân |  |
| 61. | Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/04/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CPngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một sổ điều của Luật Giá |  |
| 62. | Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hànhmột số điều của Luật giá |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 63. | Thông tư số 16/2014/TT-BCT 29/05/2014 quy định về thực hiện giá bán điện | Hết hiệu lựcmột phần |
| 64. | Thông tư số 51/2015/TT-BCT ngày 29/12/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởngBộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện | Hết hiệu lực một phần |
| 65. | Thông tư số 199/2014/TT-BQP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn công tác quản lý giátrong lĩnh vực quốc phòng |  |
| 66. | Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dựphòng tại cơ sở y tế công lập |  |
| 67. | Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022 quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 |  |
| 68. | Thông tư số 35/2017/TT-BYT ngày 18/08/2017 quy định giá cụ thể đối với dịch vụ kiểm nghiệm mẫuthuốc, nguyên liệu làm thuốc, thuốc dùng cho người tại cơ sở y tế công lập sử dụng ngân sách nhà nước |  |
| 69. | Thông tư số 282/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định khung giá dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùngcho thực vật |  |
| 70. | Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khửtrùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật |  |
| 71. | Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh do Bộ Giaothông vận tải quản lý | Hết hiệu lực một phần |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 72. | Thông tư số 28/2021/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinhdoanh do Bộ Giao thông vận tải quản lý |  |
| 73. | Thông tư số 31/2020/TT-BGTVT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định khunggiá dịch vụ sử dụng phà thuộc tuyến quốc lộ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do Trung ương quản lý |  |
| 74. | Thông tư số 37/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2020/TT-BGTVT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá dịch vụ sử dụng phà thuộc tuyến quốc lộ được đầu tư bằng nguồn vốn ngânsách Nhà nước, do Trung ương quản lý |  |
| 75. | Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành biểukhung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu bến phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt tại cảng biển |  |
| 76. | Thông tư 53/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2009 quy định mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyênngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam |  |
| 77. | Thông tư số 54/2018/TT-BCT ngày 25/12/2018 bãi bỏ Điều 7 của Thông tư số 44/2015/TT-BCT ngày 9 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về phát triển dự án, Biểu giá chi phítránh được và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối |  |
| 78. | Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT ngày 13/12/2007 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thựchiện quy định về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 79. | Thông tư 104/2021/TT-BTC ngày 18/11/2021 hướng dẫn phương pháp xác định yếu tố cấu thành trongcông thức giá cơ sở xăng dầu |  |
| 80. | Thông tư 103/2021/TT-BTC ngày 18/11/2021 hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lýQuỹ bình ổn giá xăng dầu |  |
| 81. | Thông tư 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 sửa đổi Thông tư 38/2014/TT-BTC hướng dẫn Nghị định89/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật giá về thẩm định giá |  |
| 82. | Thông tư 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác địnhgiá nước sạch sinh hoạt |  |
| 83. | Thông tư 11/2021/TT-BGTVT ngày 21/5/2021 hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá dịch vụsự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên |  |
| 84. | Thông tư 76/2020/TT-BTC ngày 14/8/2020 về sửa đổi Thông tư liên tịch 39/2014/TTLT-BCT-BTC quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu; Thông tư 38/2014/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 89/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giá về thẩm định giá; Thông tư 138/2007/TT-BTC hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư bồi thường, hỗ trợ và tái địnhcư dự án thủy điện Sơn La | Hết hiệu lực một phần |
| 85. | Thông tư 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018 quy định về thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnhbảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành |  |
| 86. | Thông tư 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định phương pháp định giáchung đối với hàng hóa, dịch vụ |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 87. | Thông tư 198/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 hướng dẫn phương pháp tính giá thành cá Tra nguyên liệu |  |
| 88. | Thông tư 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh củaNhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh chữa bệnh trong một số trường hợp. | Hết hiệu lực một phần |
| 89. | Thông tư 15/2022/TT-BYT ngày 09/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục tại Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp và Thông tư số 15/2020/TT- BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mụcthuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá. |  |
| 90. | Thông tư 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 02/12/2022 ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật đượcphép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam |  |
| 91. | Thông tư 23/2022/TT-BGTVT ngày 03/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường thủy nội địa thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách trung ương từ nguồn kinh phí chi thườngxuyên |  |
| 92. | Thông tư 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư vềquản lý thuốc thú y |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 93. | Thông tư 04/2022/TT-BYT ngày 12/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2017/TT- BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017, Thông tư số 18/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2017/TT-BYT quy định về đơn thuốc và kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú và Thông tư số 27/2021/TT-BYT ngày 20tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định kê đơn thuốc bằng hình thức điện tử |  |
| 94. | Thông tư 13/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 quy định khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụhàng không |  |
| 95. | Thông tư 36/2015/TT-BGTVT ngày 24/7/2015 về quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa vàgiá dịch vụ chuyên ngành hàng không | Hết hiệu lựcmột phần |
| 96. | Thông tư 07/2017/TT-BGTVT ngày 14/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý giádịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không |  |
| 97. | Thông tư số 06/2022/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý giádịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không |  |
| 98. | Thông tư 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 ban hành Thông tư ban hành Danh mục thuốc đấu thầu,Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá |  |
| 99. | Thông tư số 15/2021/TT-BYT ngày 23/09/2021 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tưsố 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 100. | Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập |  |
| 101. | Thông tư 06/2022/TT-BGTVT ngày 25/5/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý giádịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không |  |
| **II** | **Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lao động, việc làm** |  |
|  | **Luật** |  |
| 102. | Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 |  |
| 103. | Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 |  |
| 104. | Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014 |  |
| 105. | Luật Thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 | Hết hiệu lựcmột phần |
| 106. | Luật Thể dục thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục,thể thao |  |
| 107. | Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017 |  |
| 108. | Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019 |  |
| 109. | Luật an toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015 |  |
| 110. | Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14 ngày13/11/2020 |  |
| 111. | Luật Công đoàn số 12/2012/QH13 ngày 20/6/2012 |  |
|  | **Nghị định của Chính phủ** |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 112. | Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 quy định về tuổi nghỉ hưu |  |
| 113. | Nghị định số145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều củaBộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động |  |
| 114. | Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tạiViệt Nam |  |
| 115. | Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làmviệc theo hợp đồng lao động |  |
| 116. | Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làmvề bảo hiểm thất nghiệp |  |
| 117. | Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/05/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp |  |
| 118. | Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làmvề đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia | Hết hiệu lựcmột phần |
| 119. | Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thươngbinh và Xã hội |  |
| 120. | Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốcgia về việc làm |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 121. | Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm |  |
| 122. | Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 về LuậtViệc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm |  |
| 123. | Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quantrắc môi trường lao động | Hết hiệu lực một phần |
| 124. | Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một sốđiều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 |  |
| 125. | Nghị định số 41/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Điều 220 của Bộ luật Lao động về danh mụcđơn vị sử dụng lao động không được đình công và giải quyết yêu cầu của tập thể lao động ở đơn vị sử dụng lao động không được đình công |  |
| 126. | Nghị định số 44/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Laođộng về hợp đồng lao động |  |
| 127. | Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về thờigiờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động | Hết hiệu lựcmột phần |
| 128. | Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 hướng dẫn Bộ luật Lao động về tiền lương | Hết hiệu lựcmột phần |
| 129. | Nghị định số 121/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 130. | Nghị định số 55/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 quy định chi tiết thi hành khoản 3 Điều 54 của Bộ luậtLao động về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động | Hết hiệu lực một phần |
| 131. | Nghị định số 73/2014/NĐ-CP ngày 23/7/2014 sửa đổi, bổ sung Điều 29 Nghị định số 55/2013/NĐ- CP ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Lao động về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và Danh mục công việc đượcthực hiện cho thuê lại lao động |  |
| 132. | Nghị định số 95/2013/NĐ-CP 22/8/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Hết hiệu lựcmột phần |
| 133. | Nghị định số 28/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng |  |
| 134. | Nghị định 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm |  |
| 135. | Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm | Hết hiệu lựcmột phần |
| 136. | Nghị định số 75/2014/NĐ-CP ngày 28/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại ViệtNam |  |
| 137. | Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/07/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc |  |
| 138. | Nghị định số 28/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng |  |
| 139. | Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động |  |
| 140. | Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 141. | Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng vàquản lý công chức. |  |
| 142. | Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việctrong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. |  |
| 143. | Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầuvào công chức. |  |
| 144. | Nghị định 82/2021/NĐ-CP ngày 06/9/2021về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi Nghị định121/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 74/2020/NĐ-CP về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội |  |
| 145. | Nghị định 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 hướng dẫn Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ởnước ngoài theo hợp đồng |  |
| 146. | Nghị định 87/2021/NĐ-CP ngày 29/9/2021 về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi Nghị định 20/2020/NĐ-CP thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoànkinh tế, tổng công ty nhà nước |  |
| 147. | Nghị định 29/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 hướng dẫn Khoản 3 Điều 54 Bộ luật lao động về cấp phéphoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động |  |
| 148. | Nghị định 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 sửa đổi Nghị định 05/2015/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật laođộng |  |
| 149. | Nghị định 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lao động, giáo dục nghề nghiệp, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, việclàm, an toàn, vệ sinh lao động |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 150. | Nghị định 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 của Chính phủ về việc quy định mức lương tối thiểu vùngđối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động |  |
| 151. | Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một sốđiều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | Hết hiệu lựcmột phần |
| 152. | Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiệnđầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |  |
| 153. | Nghị định 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Bộluật Lao động về chính sách đối với lao động nữ |  |
| 154. | Nghị định 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điềucủa Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia | Hết hiệu lựcmột phần |
| 155. | Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thihành một số nội dung của Bộ luật Lao động | Hết hiệu lựcmột phần |
| 156. | Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực laođộng, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng |  |
| 157. | Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 quy định về chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức,viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn |  |
| 158. | Nghị định 43/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 quy định chi tiết thi hành Điều 10 của Luật Công đoàn về quyền, trách nhiệm của công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng củangười lao động |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 159. | Nghị định 46/2013/NĐ-CP 10/5/2013 hướng dẫn Bộ luật Lao động về tranh chấp lao động | Hết hiệu lựcmột phần |
| 160. | Nghị định 50/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối vớingười lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu | Hết hiệu lựcmột phần |
| 161. | Nghị định 55/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 quy định chi tiết thi hành khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Laođộng về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động | Hết hiệu lực một phần |
| 162. | Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 quy định về hợp đồng đối với một số loại công việc trongcơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập |  |
| 163. | Nghị định 97/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100%vốn điều lệ |  |
| 164. | Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế |  |
| 165. | Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quảnlý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ |  |
| 166. | Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối vớicông ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước |  |
| 167. | Nghị định 121/2016/NĐ-CP ngày 24/8/2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tậpđoàn Viễn thông Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020 | Hết hiệu lựcmột phần |
| 168. | Nghị định 74/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiềnlương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020 |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 169. | Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đốivới người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ |  |
| 170. | Nghị định 20/2020/NĐ-CP ngày 17/02/2020 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởngđối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước |  |
| 171. | Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận độngviên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu |  |
| 172. | Nghị định 33/2016/NĐ-CP ngày 10/5/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm côngtác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân |  |
|  | **Quyết định của Thủ tướng Chính phủ** |  |
| 173. | Quyết định số 17/2016/QĐ-TTg ngày 05/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng hệ số điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm đối với công chức và người lao động làm việc tại Ban Quản lý Làng Văn hóa- Du lịch các dân tộc Việt Nam thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
| 174. | Quyết định 77/2014/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao độngtham gia bảo hiểm thất nghiệp |  |
| 175. | Quyết định số 89/2005/QĐ-TTg ngày 28/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách việclàm đối với quân nhân, công an nhân dân thôi phục vụ tại ngũ |  |
| 176. | Quyết định 45/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2015 về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp đối với người làmviệc trong các đơn vị thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử của Bộ Khoa học và Công nghệ |  |
|  | **Thông tư liên ngành, Thông tư** |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 177. | Thông tư liên tịch số 03/2016/TTLT-BLĐTBXH-BQP-BCA ngày 25/03/2016 hướng dẫn thực hiện Khoản 6 ĐIều 32 của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp về việc thông báo biến động lao động làmviệc tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. |  |
| 178. | Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/06/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹquốc gia về việc làm |  |
| 179. | Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNV-BTC-BVHTTDL ngày 10/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định hệ số điều chỉnh tiền lương tối thiểu tăng thêm so với mức lương tối thiểu chung đối với công, viên chức và người lao động làm việc tại Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
| 180. | Thông tư liên tịch 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNT-BCT-BTTTT ngày 12/12/2012 hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” |  |
| 181. | Thông tư liên tịch 01/2010/TTLT-TANDTC-BLĐTBXH-VKSNDTC ngày 18/5/2010 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại Tòa án nhân dân |  |
| 182. | Thông tư liên tịch 06/2009/TTLT/BLĐTBXH-BTC ngày 27/02/2009 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23 tháng 2 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ đối với người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 183. | Thông tư liên tịch 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ | Hết hiệu lực một phần |
| 184. | Thông tư 01/2020/TT-BKHCN ngày 20/01/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngànhkhoa học và công nghệ |  |
| 185. | Thông tư số 14/2022/TT-BKHCN ngày 11/10/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Côngnghệ |  |
| 186. | Thông tư 19/2022/TT-BKHCN ngày 30/12/2022 hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa họcvà công nghệ công lập do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành |  |
| 187. | Thông tư 20/2022/TT-BKHCN ngày 30/12/2022 quy định Danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tại chính quyền địaphương do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành |  |
| 188. | Thông tư số 08/2021/TT-BKHCN ngày 27/10/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chuẩn,điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 189. | Thông tư 24/2015/TT-BCA ngày 22/5/2015 quy định về quyền, trách nhiệm của công đoàn trong đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, công nhân, lao động hợp đồng và tham gia quản lý cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong Công an nhân dân |  |
| 190. | Thông tư số 51/2019/TT-BCA ngày 18/10/2019 quy định về khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, điều tra tai nạn lao động và bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong Công an nhân dân |  |
| 191. | Thông tư số 22/2022/TT-BCA ngày 10/5/2022 quy định về lao động hợp đồng trong Công an nhân dân |  |
| 192. | Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một sốđiều của Bộ luật Lao động về lao động chưa thành niên |  |
| 193. | Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản sau đây của Bộ luật Lao động về nội dung của Hợp đồng lao động, hội đồng thương lượngtập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con |  |
| 194. | Thông tư số 04/2021/TT-BCT ngày 16/07/2021 quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối vớingười lao động làm các công việc trong hầm lò |  |
| 195. | Thông tư số 18/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơiđối với người lao động làm các công việc sản xuất có tính thời vụ, công việc gia công theo đơn đặt hàng |  |
| 196. | Thông tư 19/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 ban hành Danh mục vùng có điều kiện kinh tế - xãhội đặc biệt khó khăn làm cơ sở xác định các trường hợp có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường |  |
| 197. | Thông tư số 12/2022/TT-BCT ngày 25/7/2022 quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối vớingười lao động làm công việc vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống đường ống phân phối khí và các công trình khí |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 198. | Thông tư số 139/2015/TT-BQP ngày 16/12/2015 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp trong Bộ Quốc phòng |  |
| 199. | Thông tư số 134/2021/TT-BQP ngày 16/10/2021 Thông tư ban hành 03 quy trình kiểm định kỹ thuật antoàn máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng |  |
| 200. | Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/07/2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chitiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp |  |
| 201. | Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia,cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia | Hết hiệu lựcmột phần |
| 202. | Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10/02/2020 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủsửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP |  |
| 203. | Thông tư số19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/06/2016 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làmvề đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia | Hết hiệu lực một phần |
| 204. | Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạonghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 205. | Thông tư số 11/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/04/2017 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị địnhsố 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm về chính sách việc làm công |  |
| 206. | Thông tư 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27/11/2020 hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao độngnghiêm trọng |  |
| 207. | Thông tư số 01/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/01/2022 hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tinthị trường lao động |  |
| 208. | Thông tư số114/2020/TT-BQP ngày 18/09/2020 Thông tư ban hành 18 quy trình kiểm định kỹ thuật antoàn đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng |  |
| 209. | Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06/01/2017 quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy,thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng | Hết hiệu lựcmột phần |
| 210. | Thông tư số 02/2017/TT-BQP ngày 05/01/2017 quy định về công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh laođộng |  |
| 211. | Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13/07/2017 quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao độngthuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương | Hết hiệu lựcmột phần |
| 212. | Thông tư số12/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương và một số quy trình kiểm định ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêucầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 213. | Thông tư số 37/2018/TT-BCT ngày 25/10/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý antoàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương |  |
| 214. | Thông tư số 26/2006/TT-BVHTT ngày 21/02/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm và bồi dưỡng bằng hiện vật đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành văn hóa - thông tin |  |
| 215. | Thông tư 110/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động ban hành kèm theo Thông tư 245/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động |  |
| 216. | Thông tư số 07/2013/TT-BVHTTDL ngày 01/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mức trả công giờ người làm mẫu vẽ trong các trường đào tạo mỹ thuật |  |
| 217. | Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2013 ban hành danh mục các công việc và nơi làm việccấm sử dụng lao động là người chưa thành niên |  |
| 218. | Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBXH ngày 11/6/2013 ban hành Danh mục công việc nhẹ được sử dụngngười dưới 15 tuổi làm việc |  |
| 219. | Thông tư số 27/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 quy định về công tác huấn luyện an toàn laođộng, vệ sinh lao động |  |
| 220. | Thông tư số 25/2013/TT- BLĐTBXH ngày 18/10/2013 hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiệnvật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 221. | Thông tư số 24/2015/TT-BCT ngày 31/7/2015 quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối vớingười lao động làm các công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí trên biển | Hết hiệu lực một phần |
| 222. | Thông tư 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 hướng dẫn nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộcChương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 |  |
| 223. | Thông tư 12/2020/TT-BCT sửa đổi Thông tư 09/2017/TT-BCT quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công thương và quy trình kiểm định kèm theo Thông tư 10/2017/TT-BCT về quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy móc, thiết bị,vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công thương |  |
| 224. | Thông tư 43/2019/TT-BGTVT ngày 07/11/2019 sửa đổi Thông tư 17/2017/TT-BGTVT quy định về điềukiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam |  |
| 225. | Thông tư 29/2018/TT-BLĐTBXH về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động khi làm việctrong không gian hạn chế do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành |  |
| 226. | Thông tư 35/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 về quy định việc quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đì làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng do Bộ trưởng Bộ Laođộng – Thương binh và Xã hội ban hành |  |
| 227. | Thông tư 03/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/8/2017 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về việc quy địnhmột số nội dung về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật, thể dục thể thao |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 228. | Thông tư 23/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/8/2017 của Bộ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội vềviệc hướng dẫn thực hiện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam qua mạng điện tử |  |
| 229. | Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việcquy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp | Hết hiệu lựcmột phần |
| 230. | Thông tư 259/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ tài liệu, lệ phí cấp giấy phép hoạt động đưa người lao độngViệt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng |  |
| 231. | Thông tư 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2016 của Bộ Lao động –Thương binh và Xã hội về việchướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | Hết hiệu lực một phần |
| 232. | Thông tư 29/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều về thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể và giải quyết tranh chấp lao động quy định tại Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiếtvà hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động |  |
| 233. | Thông tư 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 của Bộ Lao động TB&XH về việc hướng dẫn thựchiện một số điều về tiền lương của Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động | Hết hiệu lực một phần |
| 234. | Thông tư 16/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Bộ Lao động TB&XH về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 75/2014/NĐ-CP ngày 28/07/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổchức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 235. | Thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2015 hướng dẫn xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sỡ hữu theo Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quyđịnh chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương |  |
| 236. | Thông tư 07/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2015 của Bộ Lao động TB&XH về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm và Nghị định 52/2014/NĐ-CP ngày 23/05/2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạtđộng dịch vụ việc làm |  |
| 237. | Thông tư 04/2015/TT-BLĐTBXH ngày 02/02/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việchướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp và chi phí y tế của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp |  |
| 238. | Thông tư 18/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 sửa đổi Thông tư 56/2017/TT-BYT hướng dẫn Luật bảohiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế |  |
| 239. | Thông tư 19/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyênngành Ngân hàng trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực Ngân hàng |  |
| 240. | Thông tư 42/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụchuyên ngành giao thông vận tải trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải |  |
| 241. | Thông tư 14/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/8/2022 quy định về công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm vàhỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp |  |
| 242. | Thông tư 12/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thùlao, tiền thưởng đối với Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 243. | Thông tư 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với ngườilao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại |  |
| 244. | Thông tư 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cánhân trong lao động |  |
| 245. | Thông tư 13/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thùlao, tiền thưởng đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã |  |
| 246. | Thông tư 04/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2020 hướng dẫn thực hiện quy định về đơn giá khoán, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và Ban điều hành quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 20/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiềnlương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước |  |
| 247. | Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương vàtiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ |  |
| 248. | Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100%vốn điều lệ |  |
| 249. | Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiềnlương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước |  |
| 250. | Thông tư 37/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao vàtiền thưởng trong Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam | Hết hiệu lựcmột phần |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 251. | Thông tư 04/2018/TT-BLĐTBXH ngày 22/6/2018 sửa đổi Thông tư 37/2016/TT-BLĐTBXH ngày25/10/2016 hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam |  |
| 252. | Thông tư 32/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiềnthưởng đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam |  |
| 253. | Thông tư 34/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương đối với ĐàiTruyền hình Việt Nam |  |
| 254. | Thông tư số 38/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiềnlương, thù lao đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa |  |
| 255. | Thông tư 33/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiềnlương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016-2020 |  |
| 256. | Thông tư 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTgngày 22/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ |  |
| 257. | Thông tư 45/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương,thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương |  |
| 258. | Thông tư 07/2018/TT-BLĐTBXH ngày 01/8/2018 hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động và thực hiện chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn mộtthành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần |  |
| 259. | Thông tư 16/2018/TT-BLĐTBXH ngày 12/10/2018 hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiềnthưởng đối với người lao động và người quản lý của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 260. | Thông tư 04/2019/TT-BLĐTBXH ngày 21/01/2019 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương,thù lao, tiền thưởng đố với quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa |  |
| 261. | Thông tư 18/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08/11/2019 hướng dẫn thực hiện tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ khi ốm đau, thai sản, bị tai nạn lao động đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thờigian tập trung tập huấn, thi đấu |  |
| 262. | Thông tư 11/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm về chính sách việc làm công |  |
| 263. | Thông tư 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 |  |
| 264. | Thông tư 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làmbền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 |  |
| 265. | Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tácan toàn, vệ sinh lao động đối với sở sở sản xuất, kinh doanh | Hết hiệu lựcmột phần |
| **VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG** |
| **I** | **Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu**  |  |
| 1. | Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 05/5/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông quy định về giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Nông |  |
| 2. | Nghị quyết 32/2019/NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Đắk Nông |  |
| 3. | Quyết định 11/2020/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 và Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông |  |
| 4. | Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông | Hết hiệu lực 1 phần |
| 5. | Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Hết hiệu lực 1 phần |
| 6. | Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông |  |
| **II** | **Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lao động, việc làm** |  |
| 1. | Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 |  |
| 2. | [Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND](https://vbpl.vn/daknong/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=158926&Keyword=N%C6%AF%E1%BB%9AC%20NGO%C3%80I) ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy chế phối hợp công tác quản lý người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông |  |
| 3. | Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông |  |

*(\*) Hệ dữ liệu này sẽ tiếp tục được cập nhật, bổ sung.*